

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 12 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Luyến

Bà Cao Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3932/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: W, Weg 18.10367 B, Cộng hòa Liên bang Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2023, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Vào năm 2008, qua quen biết và tìm hiểu, bà và ông Võ Văn N tổ chức đám cưới; có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01 ngày 22/5/2008. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Từ khi kết hôn đến tháng đầu năm 2022, ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông N hợp tác lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ. Trong thời gian ông N sinh sống và làm việc tại Đức, do khoảng cách địa lý nên ông bà ít khi liên lạc với nhau và không có điều kiện quan tâm chăm sóc cho nhau, vì vậy giữa hai bên không còn tin tưởng nhau và tình cảm vợ chồng không còn. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn

gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017. Hiện tại cháu Minh C và cháu Phúc A đang sinh sống chung với bà.

Nay bà Bùi Thị Ngọc T làm đơn này gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đề nghị xem xét cho bà được ly hôn với ông N, cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn N.

- Về con chung: Bà đề nghị được nuôi hai con chung là Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017. Bà yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án do hiện tại bà bận công việc không thể tham gia được.

Theo văn bản ý kiến ngày 16 tháng 02 năm 2023 bị đơn Võ Văn N trình bày:

Về hoàn cảnh kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng dẫn đến ly hôn, ông N trình bày thống nhất với bà Bùi Thị Ngọc T. Nay bà T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý, cụ thể:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Ngọc T.

- Về con chung: Ông đồng ý để bà Bùi Thị Ngọc T được nuôi hai con chung là Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay ông N không có mặt tại Việt Nam, không thể có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó ông đề nghị được vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Bùi Thị Ngọc T và ông Võ Văn N là ly hôn, nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc T đang ở Việt Nam, bị đơn ông Võ Văn N hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Cộng hòa Liêng bang Đ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Võ Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 22/5/2008. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng bà T và ông N chung sống và có đời sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2022. Ông N sang Đ hợp tác lao động, từ đó hai bên không có điều kiện chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Tình cảm vợ chồng cũng vì vậy mà không còn hạnh phúc. Ông bà cũng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông N cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017. Hiện tại cháu Minh C và cháu Phúc A đang sinh sống chung với bà T. Sau khi ly hôn bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 4.000.000đ/tháng.

Tại văn bản ý kiến ông N cũng đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Minh C và P, ông cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bà T số tiền 4.000.000đ/tháng/02 con chung nên ghi nhận. Mặt khác, tại văn bản lấy ý kiến đối với cháu Minh C cũng ghi nhận cháu có nguyện vọng được sống chung với và T nếu cha mẹ ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các con chung của ông N và bà T đều sống cùng với bà T từ trước đến nay. Việc bà T yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cũng được ông N đồng ý. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh C khi được lấy ý kiến đối với con chung đủ 7 tuổi trở lên. Như vậy, cần xem xét chấp nhận cho bà Bùi Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017, ông Võ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000đ/tháng/02 con chung theo quy định.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông N trình bày tự ông bà thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Bà T và ông N trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên ghi nhận. Trường hợp các bên liên quan có phát sinh tranh chấp thì có thể khởi kiện thành một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc T. Cụ thể:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với ông Võ Văn N.

- Về con chung: Bà Bùi Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Võ Nhật Nguyệt Minh C, sinh ngày 23/02/2011 và cháu Võ Phúc A, sinh ngày 13/7/2017, ông Võ Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 4.000.000đ/tháng/02 con chung theo quy định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Võ Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông N trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án cũng không nhận được yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không xem xét. Trường hợp các bên liên quan có phát sinh tranh chấp thì có thể khởi kiện thành một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002963 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Bà Bùi Thị Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án; ông Võ Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Lương